CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 134-V02/TPP-CTY/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38609003 Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn Mã số doanh nghiệp: 0303640880

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BÌNH SỮA AOI MOON**
2. Thành phần: Nhựa PPSU, Nhựa PP, silicone, hạt màu,Phụ gia kháng khuẩn (Ag+)
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng cho tới khi sản phẩm bị vỡ, biến dạng hoặc tùy vào nhu cầu sử dụng của khách hàng.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:126 cái/thùng carton; 144 cái/thùng carton;192 cái/thùng carton Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

  Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Sản xuất tại:

  + Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Bắc Ninh (được mã hóa là Nhà máy Bắc Ninh).

  Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Xuân Lâm, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

  + Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Thành Phố Hồ Chí Minh (được mã hóa là Nhà máy Hồ Chí Minh).

  Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

  + Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Long An (được mã hóa là Nhà máy Long An).

  Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa Hạ (lô C16), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1:2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"
- QCVN 12-2:2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 9 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Đào Quang Trung

Phó Tổng giám đốc

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: Bình sữa Aoi Moon
Loại: Đa sắc • **Mã sản phẩm:** HIN.BSAM.Q080 • **Dung tích:** 80 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (73 x 60 x 108) mm • **Khối lượng tịnh:** 63 g • **Thành phần:** Nhựa PPSU, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+) • **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để đựng sữa, nước và các loại đồ uống cho bé. Rửa sạch và tiệt trùng bình sau mỗi lần sử dụng • **Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Không cho trẻ bú bình khi không có sự giám sát của người lớn. Kiểm tra kỹ trước và sau khi sử dụng. Loại bỏ ngay núm vú nếu bị rách, thủng hoặc hư hỏng do trẻ cắn

Tên sản phẩm: Bình sữa Aoi Moon
Loại: Đơn sắc • **Mã sản phẩm:** HIN.BSAM.D080 • **Dung tích:** 80 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (73 x 60 x 108) mm • **Khối lượng tịnh:** 63 g • **Thành phần:** Nhựa PPSU, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+) **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để đựng sữa, nước và các loại đồ uống cho bé. Rửa sạch và tiệt trùng bình sau mỗi lần sử dụng • **Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Không cho trẻ bú bình khi không có sự giám sát của người lớn. Kiểm tra kỹ trước và sau khi sử dụng. Loại bỏ ngay núm vú nếu bị rách, thủng hoặc hư hỏng do trẻ cắn

Tên sản phẩm: Bình sữa Aoi Moon
Loại: Đa sắc • **Mã sản phẩm:** HIN.BSAM.S180 • **Dung tích:** 180 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (69 x 61 x 156) mm • **Khối lượng tịnh:** 77 g • **Thành phần:** Nhựa PPSU, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+) **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để đựng sữa, nước và các loại đồ uống cho bé. Rửa sạch và tiệt trùng bình sau mỗi lần sử dụng • **Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Không cho trẻ bú bình khi không có sự giám sát của người lớn. Kiểm tra kỹ trước và sau khi sử dụng. Loại bỏ ngay núm vú nếu bị rách, thủng hoặc hư hỏng do trẻ cắn

Tên sản phẩm: Bình sữa Aoi Moon
Loại: Đơn sắc • **Mã sản phẩm:** HIN.BSAM.D180 • **Dung tích:** 180 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (69 x 61 x 156) mm • **Khối lượng tịnh:** 77 g • **Thành phần:** Nhựa PPSU, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+) **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để đựng sữa, nước và các loại đồ uống cho bé. Rửa sạch và tiệt trùng bình sau mỗi lần sử dụng • **Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Không cho trẻ bú bình khi không có sự giám sát của người lớn. Kiểm tra kỹ trước và sau khi sử dụng. Loại bỏ ngay núm vú nếu bị rách, thủng hoặc hư hỏng do trẻ cắn

Tên sản phẩm: Bình sữa Aoi Moon
Loại: Đa sắc • **Mã sản phẩm:** HIN.BSAM.M280 • **Dung tích:** 280 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (72 x 65 x 189) mm • **Khối lượng tịnh:** 89 g • **Thành phần:** Nhựa PPSU, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+) **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để đựng sữa, nước và các loại đồ uống cho bé. Rửa sạch và tiệt trùng bình sau mỗi lần sử dụng • **Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Không cho trẻ bú bình khi không có sự giám sát của người lớn. Kiểm tra kỹ trước và sau khi sử dụng. Loại bỏ ngay núm vú nếu bị rách, thủng hoặc hư hỏng do trẻ cắn

Tên sản phẩm: Bình sữa Aoi Moon
Loại: Đơn sắc • **Mã sản phẩm:** HIN.BSAM.D280 • **Dung tích:** 280 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (72 x 65 x 189) mm • **Khối lượng tịnh:** 89 g • **Thành phần:** Nhựa PPSU, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+) **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để đựng sữa, nước và các loại đồ uống cho bé. Rửa sạch và tiệt trùng bình sau mỗi lần sử dụng • **Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Không cho trẻ bú bình khi không có sự giám sát của người lớn. Kiểm tra kỹ trước và sau khi sử dụng. Loại bỏ ngay núm vú nếu bị rách, thủng hoặc hư hỏng do trẻ cắn

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA AOI

VAN CHỐNG ĐẦY HƠI
Van lưu thông khí, ngăn ngừa không khí bên ngoài trào vào bình sữa, giúp trẻ không bị đau bụng, ảnh hưởng hệ tiêu hóa, tránh tình trạng ọc, trào sữa khi uống.

NÚM TY SILICONE SIÊU MỀM
Núm ty được mô phỏng hình dáng và kích thước giống như ty mẹ, dễ dàng thích ứng với từng lần uống và nuốt, cho trẻ cảm giác gần gũi như đang bú sữa mẹ.

100% SILICONE

HÀNH TRÌNH 5 BƯỚC PHÁT TRIỂN

SS	S	M	L	LL
0 - 1 m	1 - 3 m	3 - 6 m	6 - 9 m	9 m+

TRUYỀN THÔNG VÌ CỘNG ĐỒNG
Thực hiện đúng hướng dẫn vệ sinh, tiệt khuẩn. Việc sử dụng bình bú có thể làm cho trẻ bỏ bú mẹ và có nguy cơ bị tiêu chảy.

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

8 935275 224382

Nơi sản xuất được mã hóa:
☑ Nhà máy Bắc Ninh
☐ Nhà máy Hồ Chí Minh
☐ Nhà máy Long An

SX 01/2021
Sản xuất tại Việt Nam

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.tanphuvietnam.vn

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-06467AHD2/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **BÌNH SỮA AOI MOON**

2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
(xem hình trang 07/07/ *see picture on page 07/07*)

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 22/12/2022 (bổ sung mẫu ngày 27/12/2022)

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 23/12/2022 – 03/01/2023

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM**
314 Luỹ Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem các trang tiếp theo
Refer to next pages

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG *DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.*	TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR* TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM *HEAD OF TESTING LAB.*
Nguyễn Thị Thùy Nhi	Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06467AHD2/1/R **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

A- THÂN

Các thử nghiệm sau đây thực hiện trên vật liệu nhựa theo yêu cầu khách hàng
The following tests are carried out on plastic material according to the customer's request

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu/ *Requirement* (*)
THỬ VẬT LIỆU/ *MATERIAL TEST*					
7.1 Hàm lượng chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.2 Hàm lượng cađimi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ *ELUTION TEST*					
7.3 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 95 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 95 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 95 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 95 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10

Ghi chú/ *Note:* Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*
(*) Được qui định tại Bảng 1, yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa của QCVN 12-1 : 2011/BYT/ *As specified in Table 1, general requirements for plastic packaging and container of QCVN 12-1 : 2011/BYT*
KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06467AHD2/1/R **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT* 12/01/2023 Page 03/10

B- VÀNH

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu *Requirement* (*)
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ *Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method*	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Poly-propylene (✧)	-
THỬ VẬT LIỆU/ *MATERIAL TEST*					
7.2 Hàm lượng chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cađimi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ *ELUTION TEST*					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 95 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 95 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.6 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.7 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 95 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 95 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.8 Hàm lượng cặn khô/ *Evaporation residue*		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ *In heptan after 60 min at 25 °C*	µg/mL		5,0	16,3	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *In water after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 95 °C/ *In water after 30 min at 95 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06467AHD2/1/R **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT* 12/01/2023

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu *Require-ment* (*)
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 95 °C/ *In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 95 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

Ghi chú/ *Note:* Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods".*

(✧) Định tính thành phần nhựa chính/ *Qualitative analysis of main polymer*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-06467AHD2/1/R **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT* 12/01/2023

C- NẮP

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu *Require-ment* (*)
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ *Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method*	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Poly-propylene (✧)	-
THỬ VẬT LIỆU/ *MATERIAL TEST*					
7.2 Hàm lượng chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cađimi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ *ELUTION TEST*					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 95 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 95 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.6 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.7 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 95 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 95 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.8 Hàm lượng cặn khô/ *Evaporation residue*		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ *In heptan after 60 min at 25 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *In water after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 95 °C/ *In water after 30 min at 95 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu *Requirement* (*)
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 95 °C/ *In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 95 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

Ghi chú/ *Note:* Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods".*

(✧) Định tính thành phần nhựa chính/ *Qualitative analysis of main polymer*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

D- NÚT ĐẬY

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu *Requirement* (*)
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ *Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method*	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Poly-propylene (✧)	-
THỬ VẬT LIỆU/ *MATERIAL TEST*					
7.2 Hàm lượng chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cađimi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ *ELUTION TEST*					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 95 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 95 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.6 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.7 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 95 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 95 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.8 Hàm lượng cặn khô/ *Evaporation residue*		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ *In heptan after 60 min at 25 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *In water after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 95 °C/ *In water after 30 min at 95 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và tq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and tq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06467AHD2/1/R **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT* 12/01/2023 Page 08/10

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu *Require-ment* (*)
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 95 °C/ *In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 95 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

Ghi chú/ *Note:* Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods".*

(✧) Định tính thành phần nhựa chính/ *Qualitative analysis of main polymer*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

E- NÚM TY

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu/ *requirement* (*)
7.1 Định danh bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ *Identification by infrared spectroscopy method*	-	ASTM E 1252 - 98	-	Silicone	
THỬ VẬT LIỆU/ *MATERIAL TEST*					
7.2 Hàm lượng chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 10
7.3 Hàm lượng cađimi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 10
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ *ELUTION TEST*					
7.4 Hàm lượng phenol trong nước sau 24 h ở 40 °C/ *Phenol content in water after 24 h at 40 °C,*	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 5	≤ 5
7.5 Thử formaldehyde trong nước sau 24 h ở 40 °C/ *Formaldehyde test in water after 24 h at 40 °C,*	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	Âm tính *Negative*	Âm tính *Negative*
7.6 Hàm lượng kẽm trong nước sau 24 h ở 40 °C/ *Zinc content in water after 24 h at 40 °C,*	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	0,1	KPH/ND	≤ 1
7.7 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% sau 24 h ở 40 °C/ *Heavy metals (as Pb) in 4% acetic acid after 24 h at 40 °C,*	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 1,0	≤ 1
7.8 Hàm lượng cặn khô trong nước sau 24 h ở 40 °C/ *Evaporation residue in water after 24 h at 40 °C*	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 40

Ghi chú/ *Note:* Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*
(*) - Theo Yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-2 : 2011/BYT / *According to Technical specification of QCVN 12-2 : 2011/BYT*
KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-01103AHD3/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **BÌNH SỮA AOI MOON**

2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.* (xem hình trang 03/03/ *see picture on page 03/03*)

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 10/03/2023

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 13/03/2023 – 17/03/2023

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM**
314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page*

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.

Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01103AHD3/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

CÂY THÔNG NÚM TY

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu *Requirement* (*)
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ *Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method*	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Polypropylene (✧)	-
THỬ VẬT LIỆU/ *MATERIAL TEST*					
7.2 Hàm lượng chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cađimi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ *ELUTION TEST*					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô/ *Evaporation residue*		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ *In heptan after 60 min at 25 °C*	µg/mL		5,0	< 10,0 (**)	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *In water after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

Ghi chú/ *Note:* Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT/ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT*

(**) Giới hạn định lượng/ *Limit of quantification*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

(✧) Định tính thành phần nhựa chính/ *Qualitative analysis of main polymer*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01103AHD3/R	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	21/03/2023 Page 03/03

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.